

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa, số 255/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về việc phân bổ vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư và thực hiện di dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7397/SXD-HĐXD ngày 25/10/2023, kèm theo thông báo kết quả thẩm định số 7140/SXD-HĐXD ngày 16/10/2023 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước tại Tờ trình số 234/TTr-BQLDA ngày 20/8/2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Tên chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước.

4. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng mới khu tái định cư liền kề cho 33 hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước để đảm bảo an toàn, từng bước ổn định đời sống của người dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu; góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố quốc phòng - an ninh.

5. Nội dung và quy mô đầu tư:

Đầu tư khu tái định cư liền kề cho 33 hộ dân, gồm các hạng mục chính:

5.1. Giải pháp thiết kế san lấp mặt bằng:

- Phần san nền gồm 02 phần, san nền tạo mặt bằng khu tái định cư và san nền tạo khuôn đường nội bộ trong nội khu. Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế. Cao độ thiết kế san nền được lựa chọn đảm bảo yêu cầu thoát nước của công trình đồng thời khối lượng san nền là ít nhất. Toàn bộ khu san nền có hướng dốc thoát nước ra khu xung quanh, lân cận. San nền thành từng lớp để đảm bảo độ đầm chặt K95. Cấu tạo các lớp san nền khuôn đường nội bộ: mặt đất đá thải đầm chặt; đất nền đầm chặt K95.

- Kè rọ đá học: Được thiết kế gia cố đoạn đất đắp chênh cao so với cốt hiện trạng; rọ đá có kích thước 2x1x1 m được xếp chồng lên nhau dạng bậc thang.

5.2. Giải pháp thiết kế hệ thống cấp, thoát nước:

a) Hệ thống cấp nước: Nguồn nước được lấy từ mỏ nước hiện tại đang sử dụng (do mỏ nước nhỏ nên làm giếng để trữ, xử lý lọc thô ngay tại thân giếng). Nước được dẫn từ giếng nước qua hệ thống đường ống cấp nước đến tháp nước, qua hệ thống dẫn nước đến từng nhà dân.

- Giếng chứa nước: Thân giếng bằng ống bê tông cốt thép (BTCT) kết hợp ống lọc, thân giếng được xếp bằng rọ đá. Nước được cấp từ giếng lên tháp nước bằng máy bơm. Lưu lượng nước từ mỏ chảy ra đảm bảo cấp nước cho máy bơm cấp nước lên tháp nước.

- Đường ống dẫn nước: Đoạn ống cấp nước lên tháp sử dụng ống HDPE-PN10-PE100-D50; đoạn ống dẫn nước từ tháp tập trung vào các tuyến nhánh dẫn đến các hộ gia đình đặt đường ống HDPE-PN10-PE100-DN50.

- Tháp nước (02 tháp): Tháp nước bằng BTCT, hệ cột, dầm, sàn đồ toàn khối cao 5,4 m so với mặt nền. Móng sử dụng kết cấu móng đơn BTCT dưới cột. Xung quanh sàn có lan can thép bảo vệ; trên mặt sàn đặt 03 bồn chứa nước INOX.

- Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy: Nguồn nước chữa cháy ngoài nhà được cấp từ 02 tháp nước. Đường ống cấp nước chữa cháy chính của hệ thống phòng cháy chữa cháy là đường ống HDPE DN140, được chôn âm dưới nền đất; độ sâu chôn ống lớn hơn 70 cm từ mặt hè hoàn thiện.

b) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước mưa:

+ Nước mưa từ các khu chức năng, các công trình trong toàn khu được thu gom bằng các tuyến rãnh tiêu khu bố trí dọc theo tuyến đường giao thông.

+ Rãnh thoát nước: Bằng rãnh kín chữ nhật, có khẩu độ thoát nước $B = 0,5$ m; kết cấu rãnh bê tông đá 1x2 M200.

+ Hố ga: Nước mưa được thu tại các cửa thu đặt tại mép đường phần xe chạy đổ vào hố thu nước được nối với hệ thống rãnh dọc, nước thu qua lưới chắn rác Composite; các hố ga thu gom nước mưa sử dụng kết cấu bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200, nắp bằng tấm đan BTCT M250, đáy đệm đá dăm dày 10 cm.

- Thoát nước thải:

+ Đường ống thoát nước thải: Đường ống chính là ống PVC D200. Thu nước của các hộ dân bằng ống PVC D110. Hố ga bằng bê tông, nắp đậy bằng tấm đan BTCT.

+ Bể xử lý nước thải (02 bể): Nước thải của các hộ dân được thu gom xử lý qua bể xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường tự nhiên.

5.3. Giải pháp thiết kế hệ thống điện:

- Nguồn điện được lấy từ đường dây trung áp 35kV trong khu vực để cung cấp điện cho trạm biến áp phục vụ dự án; từ trạm biến áp cấp đến các hộ dân và hệ thống điện chiếu sáng.

- Đường dây trung thế và trạm biến áp: Sử dụng cáp nhôm AsX/70/11-5,5 dẫn vào trạm biến áp xây dựng mới theo quy hoạch trong khu vực dân cư; trạm biến áp công suất 100kVA.

- Điện chiếu sáng: Cột đèn chiếu sáng sử dụng chung với cột ly tâm L8.5 m cấp điện sinh hoạt. Cột đèn cao 2 m, vuông 1,5 m được gắn vào cột bê tông ly tâm. Đèn chiếu sáng sử dụng bóng tiết kiệm điện bằng led.

- Hệ thống cấp điện cho các hộ dân: Nguồn điện được đấu nối lấy trực tiếp từ tủ hạ thế của trạm biến áp, dây dẫn sử dụng dây cáp vặn xoắn đi treo trên cột ly tâm L8.5 m. Trên cột lắp đặt các thanh xà chờ để lắp các tủ công tơ.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn Lê Anh khảo sát; Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Đại An - MĐC lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

7. Địa điểm xây dựng: Thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

8. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được sử dụng:

- Số bước thiết kế: 1 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo thông báo kết quả thẩm định số 7140/SXD-HĐXD ngày 16/10/2023 của Sở Xây dựng.

10. Tổng mức đầu tư: 4.949.989.000 đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	3.788.800.000	đồng;
Chi phí thiết bị:	144.870.000	đồng;
Chi phí quản lý dự án:	81.417.000	đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	572.732.000	đồng;
Chi phí khác:	82.327.000	đồng;
Chi phí dự phòng:	279.843.000	đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2024.

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh; riêng kinh phí giải phóng mặt bằng (nếu có) do ngân sách huyện Bá Thước chi trả.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Xây dựng tại thông báo kết quả thẩm định số 7140/SXD-HĐXD ngày 16/10/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)		3.508.147.780	280.651.822	3.788.800.000
1	SAN LẤP MẶT BẰNG	Bảng chi tiết	1.023.526.775	81.882.142	1.105.408.917
2	ĐẦU NỐI ĐƯỜNG ĐIỆN	Bảng chi tiết	640.997.530	51.279.802	692.277.332
3	ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NƯỚC	Bảng chi tiết	1.843.623.475	147.489.878	1.991.113.353
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ (Gtb)	Bảng chi tiết	131.700.000	13.170.000	144.870.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gqlđa)	2,901 % x 0,8 x Gxd	81.417.094		81.417.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (Gtv)		530.307.434	42.424.595	572.732.000
1	Chi phí khảo sát	QĐ số 320/QĐ-BQLDA ngày 19/8/2022	241.837.963	19.347.037	261.185.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		7.255.556	580.444	7.836.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát		9.847.222	787.778	10.635.000
4	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	4,098 % x (Gxd + Gtb)	149.160.962	11.932.877	161.093.839
5	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Bảng 2.16 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,197 % x Gxd	6.911.051	552.884	7.463.935
6	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Bảng 2.17 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,191 % x Gxd	6.700.562	536.045	7.236.607
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,388 % x Gxd	13.611.613	1.088.929	14.700.542
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị (Bảng 2.20 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,302 % x Gtb	397.734	31.819	429.553

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,566 % x Gxd	90.019.072	7.201.526	97.220.598
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị (Bảng 2.22 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,803 % x Gtb	1.057.551	84.604	1.142.155
11	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,100 % x Gxd	3.508.148	280.652	3.788.800
V	CHI PHÍ KHÁC (Gk)		76.522.193	5.804.444	82.327.000
1	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (các Thông tư 28/2023/TT-BTC, 44/2023/TT-BTC)	0,019 % x TMDT x 0,5	470.250		470.250
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,570 % x TMDT x 0,5	14.107.500		14.107.500
3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,960 % x TMDT	47.520.000	4.752.000	52.272.000
4	Bảo hiểm công trình (Thông tư 50/2022/TT-BTC)	0,300 % x Gxd	10.524.443	1.052.444	11.576.888
5	Phí kiểm tra của cơ quan QLNN	Tạm tính	3.900.000		3.900.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp)		279.842.880		279.843.000
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	3,000 % x (Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk)	140.104.380		140.104.380
2	Dự phòng do phát sinh trượt giá	Theo bảng tính	139.738.500		139.738.500
	TỔNG CỘNG	Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp	4.607.937.381	342.050.861	4.949.989.000
	LÀM TRÒN				4.949.989.000